

GIÁ TRỊ VÀ CHỨC NĂNG XÃ HỘI CỦA TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY¹

Nguyễn Văn Quý*

Tóm tắt: Trong khoa học xã hội và nhân văn, tôn giáo được xem là một thực thể xã hội khách quan, phản ánh mối liên hệ của con người với cái thiêng, thế giới siêu nhiên, cùng nhiều giá trị khác nhau. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy, tôn giáo không chỉ là niềm tin, thực hành của tín đồ liên quan đến cái thiêng, mà tôn giáo còn có chức năng cổ kết cộng đồng, duy trì trật tự xã hội; nhiều giá trị của tôn giáo có khả năng tác động sâu sắc đến đời sống xã hội trong lịch sử và hiện tại. Tôn giáo không chỉ đơn thuần là thực thể lịch sử, mà còn là thực thể văn hóa, thực thể xã hội năng động, luôn có những giá trị và chức năng tích cực đối với đời sống con người, góp phần ổn định, phát triển xã hội theo hướng bền vững. Trên cơ sở tiếp cận liên ngành tôn giáo học, văn hoá học tôn giáo và giá trị học, với phương pháp phân tích tài liệu, bài viết này chỉ ra một số giá trị và chức năng cơ bản của tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Giá trị tôn giáo, chức năng tôn giáo, chức năng xã hội của tôn giáo, Việt Nam.

Abstract: In the social sciences and humanities, religion is regarded as an objective social entity that reflects the relationship between human beings and the sacred, the supernatural world, and a variety of values. Numerous studies have shown that religion is not only a system of beliefs and practices related to the sacred, but also performs functions such as fostering social cohesion and maintaining social order, and many religious values have the capacity to profoundly influence social life in history and the present. Religion is not merely a historical entity, but also a cultural and dynamic social one, consistently embodying positive values and functions for human life, contributing to social stability and sustainable development. Based on an interdisciplinary perspective from religious studies, cultural studies of religion, and axiology, and employing document analysis, this article identifies several fundamental values and functions of religion in contemporary Vietnam.

Keywords: Religious values, religious functions, social functions of religion, Vietnam.

Ngày nhận bài: 23/2/2026; ngày phản biện: 5/3/2026; ngày duyệt đăng: 18/3/2026.

* Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Email: quytongiao@gmail.com

¹ Bài viết là kết quả của nhiệm vụ “Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới”, Mã số: KX.03.08/21-30, thuộc Chương trình Khoa học xã hội và Nhân văn cấp quốc gia (giai đoạn từ năm 2021 - 2030) Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn lực nhân văn phục vụ phát triển đất nước, Mã số KX.03/21-30, do TS. Nguyễn Văn Quý là chủ nhiệm, Viện Dân tộc học và Tôn giáo học là đơn vị chủ trì.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là quốc gia có đời sống tôn giáo đa dạng, với sự hiện diện của nhiều tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, đạo Tin Lành, đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo,... Bên cạnh đó còn có hệ thống tín ngưỡng vô cùng phong phú, đa dạng với nhiều loại hình khác nhau như thờ cúng tổ tiên, thờ Mẫu, thờ Thành hoàng,... Chẳng hạn, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên tồn tại ở các cấp độ gia đình, dòng họ và quốc gia. Trong khi đó, tín ngưỡng thờ Mẫu vừa tồn tại độc lập, nhưng lại có sự giao thoa với Phật giáo (trường hợp thờ Mẫu trong các ngôi chùa Phật giáo Bắc tông ở miền Bắc Việt Nam hiện nay là ví dụ điển hình), hoặc ở một số tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ đều có sự kết hợp tam giáo, như đạo Cao Đài thờ phụng Thượng đế, Phật, Tiên, Thánh,... Tuy nhiên, ở Việt Nam, tín ngưỡng không đối lập với các tôn giáo có tổ chức, mà cùng tồn tại, bổ sung và đan xen, làm phong phú đời sống tinh thần của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đời sống tôn giáo ở Việt Nam đã và đang có nhiều biến đổi, vừa kế thừa truyền thống, vừa thích ứng với điều kiện kinh tế, xã hội hiện đại. Quan điểm của Nhà nước Việt Nam tiếp tục khẳng định quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, mở rộng quyền con người². Đồng thời, Nhà nước Việt Nam cũng tăng cường quản lý nhằm bảo đảm hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật, góp phần ổn định xã hội và phát triển bền vững đất nước. Đây là tiền đề, nền tảng pháp lý quan trọng cho việc phát huy các giá trị và chức năng của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội hiện nay.

Đến nay, nghiên cứu về giá trị đã có nhiều công trình tiêu biểu như *Giá trị học, cơ sở lý luận góp phần đúc kết xây dựng giá trị chung của người Việt Nam thời nay* của Phạm Minh Hạc (2012); *Mấy vấn đề về hệ giá trị Việt Nam* của Hồ Sĩ Quý (2015)...; và gần đây nhất là công trình *Xây dựng hệ giá trị quốc gia Việt Nam trong kỷ nguyên mới: Tầm nhìn và định hướng* của Nguyễn Tài Đông (2025);... Nghiên cứu về giá trị và chức năng của tôn giáo đáng chú ý là những công trình của Viện Nghiên cứu Tôn giáo trước đây (nay là Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, sau khi hợp nhất với Viện Dân tộc học từ tháng 4/2025). Trong đó, có thể kể đến nhiệm vụ cấp Nhà nước *Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay*, mã số: KX.03.11/11-15 do TS. Nguyễn Quốc Tuấn làm chủ nhiệm (2014); công trình *Giá trị và chức năng cơ bản của Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay* do Hoàng Văn Chung là chủ biên (2019);... Kết quả đạt được đến nay cho thấy giá trị và chức năng tín ngưỡng, tôn giáo ngày càng được quan tâm nghiên cứu. Tuy mỗi nhà nghiên cứu có những cách tiếp cận khác nhau, và kết quả nghiên cứu cũng khá đa dạng, nhưng đây là nguồn tài liệu hữu ích cho các nhà nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu, khám phá về giá trị và chức năng tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

² Xin xem thêm: Điều 24, *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, tr. 17-18; Bùi Thanh Hà, Nguyễn Thị Định. (2017). *Tài liệu giới thiệu Luật tín ngưỡng, tôn giáo*. Nxb. Tôn giáo, tr. 8-11.

Trong bối cảnh mới, nghiên cứu về giá trị và chức năng của tín ngưỡng, tôn giáo tiếp tục đặt ra yêu cầu tiếp cận liên ngành và sử dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp để phân tích, làm rõ hơn những giá trị và chức năng cũng như biểu hiện cụ thể của các giá trị tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống xã hội Việt Nam hiện nay.

Để thực hiện bài viết này, chúng tôi sử dụng cách tiếp cận liên ngành tôn giáo học, văn hóa học và giá trị học; tư liệu chủ yếu dựa trên các tài liệu đã được công bố và kết quả nghiên cứu của tác giả, nhằm phân tích và làm rõ giá trị vật chất, giá trị tinh thần và chức năng xã hội của tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Phương pháp được sử dụng là phân tích - tổng hợp và so sánh - đối chiếu, qua đó cho thấy giá trị và chức năng của tôn giáo đối với đời sống cá nhân, gia đình, cộng đồng tín đồ trong những bối cảnh lịch sử, xã hội cụ thể.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Khái lược về giá trị và chức năng của tôn giáo

1.1 Giá trị tôn giáo

Hiện nay, ở Việt Nam có nhiều cách hiểu khác nhau về “giá trị”, theo Nguyễn Tài Đông, thuật ngữ “giá trị” (value) ban đầu có nghĩa là sự đáng giá của một thứ gì đó, chủ yếu theo nghĩa kinh tế của giá trị trao đổi. Với tư cách là một khái niệm kinh tế, giá trị đề cập đến sức lao động nói chung của con người được kết tinh trong hàng hóa. Về sau, khái niệm này được sử dụng rộng rãi trong triết học, đạo đức học, mỹ học, xã hội học, cũng như các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác” (Nguyễn Tài Đông, 2025, tr. 4). Trần Ngọc Thêm cho rằng: “Giá trị là tính chất của khách thể, được chủ thể đánh giá là tích cực xét trong so sánh với các khách thể khác cùng loại trong một bối cảnh không gian - thời gian cụ thể” (Trần Ngọc Thêm, 2016, tr. 39). Dương Phú Hiệp nhận định: “giá trị là các tư tưởng bao quát được cùng nhau tin tưởng mạnh mẽ ở một nhóm người, một giai tầng, một dân tộc hoặc một thời đại về cái gì là đúng, sai, thiện, ác, tốt, xấu, hợp lý, không hợp lý” (Dương Phú Hiệp, 2010, tr. 42),... Theo Ngô Đức Thịnh giá trị là: “Hệ thống những đánh giá mang tính chủ quan của con người về bất cứ một hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy theo hướng những cái đó là cần, là tốt, là hay, là đẹp, nói theo cách của các nhà triết học phương Tây một thời, đó chính là những cái được con người cho là chân, thiện, mỹ, giúp khẳng định và nâng cao bản chất người. Một khi những nhận thức giá trị ấy đã hình thành và định hình thì nó chi phối cách suy nghĩ, niềm tin, hành vi, tình cảm của con người” (Ngô Đức Thịnh chủ biên, 2010, tr. 22).

Có thể thấy, “giá trị” mang hàm ý tích cực, góp phần phát triển cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội: “Các giá trị vật chất cùng với giá trị tinh thần (văn hoá) do con người tạo ra thông qua giáo dục và tự giáo dục trở lại với con người tạo ra giá trị bản thân (giá trị nhân cách) của con người, đó là sức mạnh ở con người cũng như nhóm, tập thể, lao động (suy rộng ra là của dân tộc...) thành vốn con người, nguồn lực con người (nguồn nhân lực) tạo ra giá trị mới, đáp ứng nhu cầu của từng cá nhân, nhóm, tập thể lao động, sản xuất, kinh doanh... phát triển đất nước: “Văn hoá, con người (giá trị bản thân), nguồn nhân lực quyện lại thành một

dòng chảy sức mạnh trường tồn dân tộc” (Phạm Minh Hạc, 2012, tr. 24-25). Xu hướng xác định thế nào là một hệ giá trị cũng được nhiều nhà nghiên cứu thảo luận. Một số nhận định khác cho rằng hệ giá trị là các phẩm chất, nguyên tắc, lý tưởng và các triết lý... định hướng cho hoạt động của một tổ chức nào đó, trong đó có chính trị, quân sự và tôn giáo (Hồ Sĩ Quý, 2015, tr. 40). Hệ giá trị có cấu trúc theo thứ bậc, có mối liên hệ, có tính lịch sử và thực hiện chức năng nhất định (Dương Phú Hiệp, 2010, tr. 42).

Các giá trị hình thành từ mối quan hệ giữa chủ thể với khách thể trong những bối cảnh lịch sử xã hội nhất định, phản ánh tính tương đối của giá trị, cũng như tính lịch sử, tính văn hóa của giá trị. Tuy nhiên, các giá trị phải được chia sẻ trong cộng đồng, được cộng đồng công nhận thì mới có thể tập hợp thành hệ giá trị. Có nhiều cách phân loại giá trị như giá trị phổ quát và giá trị đặc thù; giá trị cá nhân và giá trị xã hội;... Nhưng cách phân loại thành giá trị vật chất và giá trị tinh thần, theo cách tiếp cận văn hóa học, là phổ biến.

Trước đây, khi bàn về giá trị tôn giáo, nhiều nhà nghiên cứu đồng thuận với quan điểm tôn giáo định hình các giá trị. E. Durkheim cho rằng, trong bản chất, con người có khả năng tin vào các giá trị luân lý, được biểu hiện trong đời sống xã hội (Robert van Krieken et al, 2000, p. 13). Vì thế, các giá trị tôn giáo không chỉ biểu hiện ở cá nhân tín đồ, mà còn ở gia đình, cộng đồng, đồng thời hình thành những mối liên kết trong xã hội,... Giá trị của các tôn giáo chính là quan niệm về thế giới và nhân sinh, định hướng hành vi của con người, cung cấp cho con người ý nghĩa cuộc sống... (Roberto Cipriani, 2010, p. 13).

Ở Việt Nam hiện nay, nhiều kết quả nghiên cứu đã cho thấy, giá trị tôn giáo mang tính đa dạng và được mọi người thừa nhận. Sở dĩ có sự đa dạng này cũng xuất phát từ chính sự đa dạng tôn giáo ở Việt Nam. Một số giá trị tôn giáo mang tính phổ quát như giá trị nhận thức, giá trị đạo đức. Nghiên cứu về giá trị và chức năng của Phật giáo ở Việt Nam của Hoàng Văn Chung (2019) cho rằng, ba nhóm giá trị tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam hiện nay là: giá trị nhận thức, giá trị đạo đức, và giá trị thẩm mỹ. Có những giá trị mang tính đặc thù của tổ chức tôn giáo, thể hiện ở ngay trong tôn chỉ, phương châm hoạt động, như: Giáo hội Phật giáo Việt Nam là “Đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội”; Công giáo ở Việt Nam là “Sống phúc âm trong lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào”; Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Nam) lại răn dạy tín hữu một lòng “Sống phúc âm, phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và dân tộc”... hoặc đề cao “lối sống lành mạnh, tích cực”, “mở rộng kiến thức, hiểu biết”, “mở rộng quan hệ xã hội” (Vũ Thị Thu Hà chủ biên, 2020, tr. 99, 101).

Giá trị văn hóa tôn giáo được nhận diện là “Toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần mà tôn giáo tạo ra, mà những giá trị này góp phần vào sự phát triển con người, xã hội loài người” (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2021, tr. 150). Điều này cũng phù hợp với quan điểm của Pippa Norris & Ronald Inglehart khi xem giá trị là tổng hòa những đóng góp của tôn giáo với cá nhân, gia đình và xã hội (Pippa Norris & Ronald Inglehart, 2011, p. 247). Nói cách khác, toàn bộ giá trị tôn giáo tập hợp thành một hệ thống hay hệ giá trị và chúng có mối liên hệ tương hỗ, được hình thành trong những bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội khác nhau. Như vậy,

hệ giá trị tôn giáo là kết quả sự phát triển của mỗi tôn giáo trong những bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội khác nhau, được tín đồ tin tưởng và thực hành. Có những giá trị cốt lõi mang tính ổn định và có các giá trị hình thành trong những bối cảnh lịch sử, văn hóa, xã hội nhất định. Vì thế, việc nhận diện hệ giá trị tôn giáo giúp cho chúng ta hiểu được nguồn gốc, động cơ, mục đích của mỗi tôn giáo tác động đến cá nhân tín đồ, cũng như gia đình và cộng đồng tôn giáo. Thông qua đó, việc phát huy giá trị tôn giáo trong đời sống xã hội không chỉ góp phần lan tỏa phẩm chất tốt đẹp của tôn giáo, mà còn góp phần củng cố tinh thần đoàn kết trong việc xây dựng, phát triển đất nước theo hướng bền vững.

Để làm rõ hơn các giá trị vật chất và tinh thần của tôn giáo, chúng tôi sử dụng cách tiếp cận văn hoá học tôn giáo. Nhưng cách phân loại này chỉ mang tính hình thức, vì giá trị tôn giáo là một hệ thống tương đối ổn định, các giá trị tồn tại trong mối quan hệ tương tác đa chiều và có sự điều chỉnh, bổ sung cho nhau. Hơn nữa, các giá trị tôn giáo còn gắn bó chặt chẽ với bối cảnh cụ thể. Khi bối cảnh thay đổi, hệ giá trị tôn giáo thường phải cấu trúc lại và cần phương thức biểu đạt mới để phù hợp với bối cảnh đã thay đổi. Bên cạnh đó, ở mỗi nhóm giá trị lại bao gồm những giá trị bộ phận. Do đó, ở mỗi nhóm giá trị, chúng tôi chỉ lựa chọn một số giá trị tiêu biểu để phân tích, đánh giá. Ví dụ, ở nhóm giá trị tinh thần là giá trị nhận thức, giá trị luân lý đạo đức, vì đây là những giá trị quan trọng của tôn giáo, thể hiện rõ trong thực tiễn đời sống Việt Nam hiện nay (Nguyễn Quốc Tuấn, 2014).

1.2. Chức năng của tôn giáo

Tiếp cận chức năng luận, xã hội bao gồm những bộ phận liên kết với nhau. Mỗi bộ phận không tồn tại biệt lập mà giữa chúng có sự bổ sung cho nhau để vận hành hệ thống một cách ổn định. Cách đóng góp nhất định vào sự vận hành ổn định của hệ thống quy định chức năng cụ thể của mỗi bộ phận (Bùi Thế Cường, 2006, tr. 74).

Chức năng của tôn giáo từ lâu đã được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Theo quan điểm của Robertson Smith, tôn giáo có hai chức năng cơ bản là: (i) Điều tiết hành vi cá nhân tín đồ, nhóm tín đồ và rộng hơn là trong xã hội; (ii) Khơi dậy cảm giác về cộng đồng, sự thống nhất, và nghi lễ có chức năng cố kết cộng đồng. “Tôn giáo, như Smith nói, không phải để cứu vớt các linh hồn mà để củng cố nhóm” (Malcolm Hamilton, 2001, p. 110). E. Durkheim được coi là người đặt nền móng cho thuyết chức năng của tôn giáo. Trong cuốn *The elementary forms of religious life* (1995), ông xem tôn giáo là một hệ thống các ý niệm, giống như là đại diện của xã hội mà các cá nhân là thành viên. Sức mạnh của tôn giáo chính là gia tăng các mối liên kết giữa các thành viên với nhau. Sức mạnh này tồn tại thực, đó chính là xã hội (Malcolm Hamilton, 2001, p. 113). Như vậy, một chức năng quan trọng của tôn giáo trong xã hội là góp phần duy trì sự thống nhất đạo đức trong xã hội. Bronislaw Malinowski chịu ảnh hưởng quan điểm của E. Durkheim, nhưng ông nhấn mạnh khía cạnh tâm lý của đời sống xã hội, bởi con người thường đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong cuộc sống (Malcolm Hamilton, 2001, p. 59). Đóng góp quan trọng nhất của Malinowski chính là: “Ông nhấn mạnh đến tầm quan trọng của phân tích thiết chế và đưa ra

một khung phân tích thiết chế. Theo ông, thiết chế là những cách thức chung và tương đối ổn định để tổ chức các hoạt động của con người trong xã hội nhằm đáp ứng hay thỏa mãn những nhu cầu hay yêu cầu cơ bản của xã hội. Những đặc trưng chung nhất của mọi thiết chế bao gồm: điều lệ, con người tham gia, chuẩn mực, cơ sở vật chất, hoạt động, chức năng” (Trần Hồng Liên, 2009, tr. 10,11). Còn Tacott Parsons chú trọng phân tích về mối quan hệ giữa tôn giáo và những cấu trúc chuẩn mực của các xã hội. Xã hội, theo ông phải là những cộng đồng luân lý nhằm bảo đảm tính vững bền của chúng. Niềm tin tôn giáo được xem là nguyên tắc cho các cộng đồng luân lý, trong đó, nghi lễ tôn giáo thúc đẩy sự cam kết đối với các nguyên tắc này (Bryan S. Turner, 2010, p. 80).

Ở Việt Nam, có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tới chức năng của tôn giáo. Trần Hồng Liên (2009) chỉ ra rằng, tôn giáo có nhiều chức năng, nhưng có ba chức năng chính. *Thứ nhất*, đó là chức năng tích hợp xã hội (kết hợp xã hội), nghĩa là mỗi tôn giáo có các giá trị, chuẩn mực riêng, những người cùng một tôn giáo sẽ gắn bó với nhau hơn nhờ giá trị và chuẩn mực riêng này. *Thứ hai*, chức năng kiểm soát xã hội, nghĩa là tôn giáo góp phần kiến tạo các định chế và trật tự xã hội nhằm duy trì hiện trạng của xã hội, giữ nguyên cấu trúc bất bình đẳng của nó cũng như củng cố lợi ích của tầng lớp thống trị. *Thứ ba*, chức năng hỗ trợ xã hội: đối với những người yếu thế, những người gặp khó khăn, hay mỗi khi xã hội bị thiên tai, dịch bệnh, niềm tin tôn giáo giúp cho con người tránh khỏi trạng thái tuyệt vọng, đồng thời tôn giáo tích cực tham gia hỗ trợ nhân đạo. Ngoài ra, tùy theo cách tiếp cận mà tôn giáo còn có chức năng “đền bù hư ảo”, “thế giới quan” theo quan điểm của Karl Marx, hay các chức năng khác như chức năng văn hoá, chức năng điều chỉnh hành vi,... Công giáo ở Việt Nam hiện nay xác định 4 chức năng cơ bản: chức năng giáo dục, chức năng điều chỉnh, chức năng liên kết xã hội và chức năng hỗ trợ xã hội (Nguyễn Thị Quế Hương và cộng sự, 2016). Chức năng cơ bản của Phật giáo đối với xã hội Việt Nam hiện nay bao gồm: chức năng liên kết xã hội, chức năng hỗ trợ xã hội (từ thiện xã hội, hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ tâm linh), chức năng giáo dục (giáo dục đạo đức tại không gian thờ cúng, giáo dục Phật giáo tại không gian gia đình, giáo dục đạo đức Phật giáo tại không gian công cộng) (Hoàng Văn Chung chủ biên, 2019).

Khái niệm “chức năng” và “vai trò” thường gắn liền với nhau nhưng không đồng nhất: “Chức năng là các phương thức tác động của tôn giáo trong xã hội, vai trò là tổng hợp kết quả, hậu quả của việc tôn giáo hoàn thành các chức năng” (Đỗ Minh Hợp và cộng sự, 2005, tr. 333). Trên phương diện khái quát nhất, khi nói đến chức năng của tôn giáo chính là những phương thức tác động tích cực hơn là tiêu cực của tôn giáo trong xã hội. Vì thế, chức năng xã hội của tôn giáo ở Việt Nam hiện nay, theo chúng tôi chính là sự hội nhập xã hội của mỗi tôn giáo biểu hiện trên các phương diện giá trị vật chất và giá trị tinh thần. Tuy nhiên, sự hội nhập xã hội của mỗi tôn giáo trên các phương diện này không đồng đều, bởi bản thân mỗi tôn giáo cũng có những thế mạnh riêng. Có tôn giáo tích cực phát huy giá trị tinh thần, nhưng có những tôn giáo lại phát huy giá trị vật chất thông qua từ thiện, bảo trợ xã hội,... Điều cần chú ý là những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đã và đang tiếp tục tạo

điều kiện để các tôn giáo hội nhập tích cực hơn và ngày càng sâu rộng trong đời sống xã hội. Việc tìm hiểu chức năng xã hội của tôn giáo ở Việt Nam hiện nay sẽ mở ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ, góp phần quan trọng vào sự phát triển xã hội theo hướng bền vững.

2. Một số giá trị và chức năng cơ bản của tôn giáo ở Việt Nam

2.1. Một số giá trị cơ bản

2.1.1. Giá trị vật chất

Giá trị vật chất của tôn giáo là một bộ phận quan trọng cấu thành hệ giá trị tôn giáo. Giá trị này phản ánh sự hiện diện hữu hình của đời sống tôn giáo trong bối cảnh xã hội cụ thể. Đó là các cơ sở thờ tự, hiện vật được bài trí trong không gian thiêng - nơi tín đồ biểu đạt niềm tin vào đấng thiêng thông qua thực hành nghi lễ tôn giáo. Hiện nay, có nhiều cơ sở thờ tự (chùa, tháp, nhà thờ...) là những công trình kiến trúc tôn giáo mang nhiều giá trị lịch sử, văn hóa và đã được nhà nước xếp hạng, bảo tồn, có giá trị lớn về mặt vật chất, như chùa Tây Phương, chùa Thầy, chùa Một Cột (Hà Nội), Nhà thờ Lớn (Hà Nội), nhà thờ Phát Diệm (Ninh Bình),... Khi xem lễ hội trên phương diện giá trị vật chất thì có thể thấy nhiều lễ hội tôn giáo như lễ hội chùa Hương (Hà Nội), lễ Giáng sinh, lễ Phục sinh ở Nhà thờ Lớn Hà Nội, nhà thờ Phát Diệm, nhà thờ gỗ Kontum... không chỉ thu hút đông đảo tín đồ hành hương, mà còn trở thành điểm đến của đông đảo du khách tham quan, góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế du lịch ở địa phương, tạo kế sinh nhai cho người dân. Trong nhiều cơ sở thờ tự còn lưu giữ được những hiện vật có giá trị cao (hệ thống tượng Phật, thánh, tác phẩm điêu khắc...), như: hệ thống tượng Phật, Bồ tát, tượng Tổ chùa Tây Phương (Hà Nội); kho mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bồ Đà (Bắc Ninh);... Những hiện vật này là minh chứng sự kết tinh trí tuệ, sự khéo léo và cảm quan thẩm mỹ của nhiều thế hệ tiền nhân, góp phần hình thành kho tàng văn hóa nghệ thuật tôn giáo phong phú, có sức lan tỏa trong cộng đồng, trở thành tài sản chung của xã hội. Việc khai thác giá trị vật chất của tôn giáo phục vụ phát triển bền vững hiện nay đã và đang được phát huy tốt ở nhiều địa phương. Song việc khai thác giá trị này đòi hỏi công tác quản lý, bảo tồn cần tránh xu hướng thương mại hóa, tổn hại đến tính thiêng của tôn giáo.

Mỗi tôn giáo đều có hệ thống cơ sở thờ tự của riêng mình và mang những giá trị vật chất đặc thù cả về tên gọi và tính vùng miền. Chẳng hạn, kiến trúc chùa Phật giáo khác với kiến trúc nhà thờ Công giáo; kiến trúc chùa ở miền Bắc khác chùa ở miền Trung; kiến trúc chùa Phật giáo Bắc tông khác với kiến trúc chùa Phật giáo Nam tông;... Cơ sở thờ tự không chỉ là nơi thực hành các nghi lễ tôn giáo, mà còn là nơi tín đồ giao lưu học hỏi, trau dồi kiến thức, vun bồi văn hóa. Trong xã hội đương đại, nhiều cơ sở thờ tự còn là cơ sở giáo dục, y tế cộng đồng,... Các ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khơ-me (Khmer) không chỉ là nơi lưu giữ văn hoá, mà còn là cơ sở giáo dục, hay tại các hội quán của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đều có ít nhất một phòng thuốc nam phước thiện,... Như vậy, các cơ sở thờ tự vừa mang tính tôn giáo lại vừa mang tính nhân văn sâu sắc. Xét ở bình diện rộng hơn, nhiều cơ sở thờ tự trên thế giới không chỉ mang tính biểu tượng tôn giáo, mà còn là biểu tượng chính trị, kinh tế.

Jerusalem là một ví dụ điển hình. Đây là thánh địa của tín đồ Islam giáo, tín đồ còn gọi là Al-Quds (thành phố thiêng). Ở Việt Nam, nhiều cơ sở thờ tự của các tôn giáo không chỉ là nơi sinh hoạt của tín đồ, mà còn gắn bó chặt chẽ với đời sống cộng đồng địa phương. Thậm chí, nhiều cơ sở thờ tự còn là điểm tham quan của nhiều cộng đồng tôn giáo khác nhau,... Nhìn chung, giá trị vật chất của tôn giáo không tồn tại độc lập mà luôn có sự gắn bó, liên hệ chặt chẽ với giá trị tinh thần. Không gian cơ sở thờ tự, tác phẩm nghệ thuật tôn giáo... chỉ thực sự có giá trị khi được đặt trong mối quan hệ với niềm tin, thực hành nghi lễ của tín đồ và trong đời sống xã hội. Sâu xa hơn, sự kết hợp giữa giá trị vật chất và giá trị tinh thần còn tạo lên sức sống bền vững cho tôn giáo trong lịch sử và đương đại. Hiện nay, giá trị tôn giáo nói chung, giá trị vật chất của tôn giáo nói riêng đã và đang tiếp tục được Đảng và Nhà nước Việt Nam xem là một trong những nguồn lực xã hội, góp phần phát triển kinh tế, xã hội theo hướng bền vững.

2.1.2. *Giá trị tinh thần*

Giá trị tinh thần bao gồm các giá trị nhận thức, đạo đức, thẩm mỹ, tình yêu thương,... Trong đó, giá trị nhận thức (thế giới, con người) và giá trị chuẩn mực ứng xử của cá nhân, gia đình và cộng đồng tín đồ; đồng thời, có ảnh hưởng ra ngoài cộng đồng tôn giáo. Thông qua niềm tin vào cái thiêng, qua giáo lý, giáo luật, tôn giáo giúp con người lý giải thế giới, ý nghĩa cuộc sống và cách đối diện với những biến đổi bất thường trong xã hội. Như thế, tôn giáo góp phần xây dựng đạo đức xã hội, ổn định xã hội.

Đối với giá trị nhận thức về thế giới và con người, có thể thấy các tôn giáo lớn đều có những quan điểm tương đối hoàn chỉnh về nguồn gốc, cấu trúc và quy luật vận hành của thế giới. Thông qua các nguyên lý “Duyên khởi”, “Sáng thế”, “Ý chí của Đấng tối cao”... các tôn giáo đã giúp tín đồ nhận thức về thế giới và vị trí con người, ý nghĩa cuộc sống và vượt qua nhận thức kinh nghiệm thông thường. Như vậy, giá trị nhận thức góp phần hình thành thế giới quan và nhân sinh quan tôn giáo cho tín đồ và có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống đạo đức, văn hóa và xã hội. Qua đó, khẳng định vai trò lâu dài của tôn giáo trong đời sống tinh thần của mỗi cá nhân, gia đình và cộng đồng xã hội.

Giá trị nhận thức của tôn giáo và nhận thức khoa học tuy cùng là nhận thức về thế giới, về con người... nhưng lại khác nhau về căn bản. Chẳng hạn, trên phương diện triết học tôn giáo, nhận thức của tôn giáo hình thành trên ba cơ sở: *Thứ nhất*, cơ sở kinh tế - xã hội, khi con người chưa kiểm soát được thiên tai, áp bức, bất công... thì có xu hướng tìm đến thần linh để hy vọng nhận được sự giúp đỡ của đấng siêu nhiên. Nghĩa là con người cần một chỗ dựa tinh thần để giải tỏa nỗi sợ hãi. *Thứ hai*, cơ sở nhận thức, những câu hỏi “thế giới là gì?”, “chết đi về đâu?”, “ý nghĩa cuộc đời là gì?”... vẫn luôn là mảnh đất màu mỡ cho nhận thức tôn giáo, ngay cả khi khoa học phát triển như hiện nay. *Thứ ba*, cơ sở tâm lý, đó là cảm giác như sợ hãi, cô đơn hay lòng biết ơn... được xem là một trong những tác nhân thúc đẩy con người tin vào các thực thể siêu việt. Tiếp cận tôn giáo học, nhận thức tôn giáo về thế giới và con người căn bản hướng con người tin vào cái thiêng, các giá trị thiêng, nhất là ở các tôn giáo độc thần.

Những giá trị này được lưu truyền thông qua hệ thống kinh sách và truyền thống các tôn giáo. Một điểm cần chú ý là giá trị nhận thức có sự khác nhau giữa các tôn giáo, nhưng đều hướng tới xây dựng niềm tin vào cuộc sống. Nếu như nhận thức khoa học khác với nhận thức tôn giáo là căn bản dựa trên tư duy lý tính, quan sát, thực nghiệm và kiểm chứng, luôn đặt vấn đề nghi vấn, phản biện, thậm chí yêu cầu bằng chứng thực nghiệm, thì nhận thức tôn giáo chấp nhận cái thiêng như một tiền đề. Hoặc về đối tượng, phạm vi nhận thức, tôn giáo chủ yếu hướng tới việc lý giải những vấn đề mang tính tối thượng như nguồn gốc vũ trụ, ý nghĩa cuộc sống, thân phận con người và cái chết, thì nhận thức khoa học lại tập trung vào việc khám phá các quy luật khách quan của tự nhiên, xã hội và tư duy, với phạm vi ngày càng mở rộng nhưng vẫn giới hạn trong những gì có thể quan sát, đo lường và kiểm chứng,... Tuy có sự khác biệt, giá trị nhận thức của tôn giáo và khoa học không tồn tại độc lập tuyệt đối, nhưng trong nhiều bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, hai giá trị nhận thức này lại bổ sung cho nhau. Nếu như khoa học giúp con người hiểu và cải tạo thế giới một cách hiệu quả thì tôn giáo lại góp phần trả lời những câu hỏi vượt ra ngoài phạm vi khoa học thuần túy về ý nghĩa, mục đích và giá trị sống. Trong xã hội hiện đại, xu hướng đối thoại giữa tôn giáo và khoa học ngày càng được chú trọng nhằm khai thác những giá trị nhận thức tích cực, vì sự phát triển toàn diện của con người.

Cho đến nay, giá trị nhận thức của tôn giáo tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc giúp con người đối diện với khủng hoảng về cuộc sống, về ý nghĩa cuộc sống. Nhất là trong những thập niên gần đây, ở Việt Nam, khi nhu cầu xã hội chú trọng hơn tới các giá trị vật chất, thì tôn giáo chính là khung tham chiếu tinh thần, giúp cho con người duy trì sự cân bằng, củng cố niềm tin và xác lập các giá trị sống ổn định. Việc nhận diện đúng giá trị nhận thức của tôn giáo có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn trong bối cảnh Việt Nam hiện nay.

Giá trị đạo đức của tôn giáo không phải là tập hợp những quy tắc rời rạc, mà là kết quả tất yếu của giá trị nhận thức về thế giới và con người. Vì thế, mỗi tôn giáo đều có quy tắc, chuẩn mực đạo đức riêng mà tín đồ tôn giáo phải tôn trọng và tuân thủ. Song, bên cạnh đó, cũng có những giá trị đạo đức chung mang tính phổ quát như tình yêu thương, sự trung thực, tinh thần hướng thiện, tránh ác,... Các giá trị chung này thực chất là những giá trị đạo đức chung của nhân loại đã được các tôn giáo tiếp biến trong tiến trình lịch sử. Đặc biệt, giá trị đạo đức được xem là nhịp cầu nối từ tư duy trừu tượng với đời sống thực tiễn, định hướng hoạt động, hành vi, ứng xử của con người với con người, con người với thiên nhiên. Nếu thiếu cầu nối này, giá trị nhận thức cũng trở thành giáo điều, khô cứng và xa rời thực tiễn. Mỗi tôn giáo đều xây dựng giá trị đạo đức dựa trên cách hiểu riêng về thực tại và vị trí của con người trong thực tại đó. Nói cách khác, giá trị đạo đức được hình thành từ niềm tin, thực hành giáo lý, giáo luật và các nghi lễ tôn giáo. Thông qua trải nghiệm tôn giáo, tín đồ điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của mình trong đời sống thường ngày cũng như trong các mối quan hệ xã hội. Điểm đáng chú ý là, nếu như đạo đức thế tục duy trì bằng những quy ước xã hội thì đạo đức tôn giáo được duy trì bằng sức mạnh của niềm tin vào đấng

thiên và sự "báo ứng". Vì thế, đạo đức tôn giáo không chỉ mang tính bền vững mà còn đem lại giá trị tích cực trong đời sống tín đồ.

Trong lịch sử và hiện tại, nhiều giá trị đạo đức tôn giáo đã trở thành chuẩn mực ứng xử trong cộng đồng tín đồ, giữa các tín đồ với người ngoài cộng đồng. Chẳng hạn, Ngũ giới trong Phật giáo bao gồm: (i) Không sát sinh; (ii) Không trộm cắp; (iii) Không tà dâm; (iv) Không nói dối; và (v) Không sử dụng các chất gây nghiện, gây say. Như vậy, Ngũ giới không chỉ là quy tắc đạo đức bắt buộc của tín đồ Phật giáo, sâu xa hơn, Ngũ giới hướng tín đồ rèn luyện phẩm hạnh để có được sự trải nghiệm tôn giáo cao hơn, sâu hơn. Tương tự, trong 10 điều răn của Kitô giáo thì có đến 7 điều răn liên quan đến đạo đức, đó là lòng hiếu thảo, tôn trọng sự sống, lòng trung thành trong hôn nhân, không lấy của người, không nói dối,... Có thể thấy, 10 điều răn Kitô giáo đều hướng con người "kính chúa, yêu người", vun bồi phẩm hạnh, lòng biết ơn... "Mục đích của đời sống nhân đức là trở nên giống Thiên Chúa" (Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo, 2010, tr. 529). Như vậy, giá trị đạo đức của tôn giáo có khả năng định hướng cá nhân, gia đình, cộng đồng tín đồ hình thành nhân cách, kiểm soát hành vi cũng như những ham muốn thái quá để có được cuộc sống lành mạnh, ứng xử chuẩn mực trong các mối quan hệ gia đình, hài hoà trong các mối quan hệ cộng đồng. Ở phương diện này, giá trị đạo đức tôn giáo có chức năng hỗ trợ, duy trì trật tự, ổn định xã hội.

Tuy giá trị đạo đức tôn giáo mang tính bền vững, nhưng tùy theo từng bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội mà có sự điều chỉnh hoặc luận giải để thích ứng. Trong quá trình du nhập, phát triển ở Việt Nam, đạo đức Phật giáo đã có sự tiếp thu và ảnh hưởng trở lại, làm phong phú thêm các giá trị đạo đức truyền thống. Điều này minh chứng sự tương thích đạo đức tôn giáo với đạo đức xã hội, đây là cơ sở quan trọng để các giá trị đạo đức tôn giáo tiếp tục được xã hội thừa nhận và phát huy trong đời sống đương đại. Nói cách khác, giá trị đạo đức tôn giáo là một nguồn lực tinh thần quan trọng, không chỉ có ý nghĩa đối với đời sống tín đồ các tôn giáo, mà còn có tác động tích cực đối với sự phát triển bền vững của xã hội.

Nhìn chung, giá trị tinh thần của tôn giáo tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. Trong bối cảnh xã hội hiện đại với nhiều áp lực và biến động, tôn giáo góp phần duy trì sự ổn định tâm lý, củng cố niềm tin và định hướng giá trị sống cho cá nhân.

2.2. Một số chức năng xã hội cơ bản

Từ lâu, giới nghiên cứu tôn giáo ở Việt Nam đã xem tôn giáo là một thực thể xã hội, một tiểu hệ thống đặc biệt cấu thành xã hội. Cũng như giá trị vật chất, giá trị tinh thần, chức năng xã hội của tôn giáo được hình thành trên niềm tin và thực hành giáo lý, giáo luật của cộng đồng tín đồ mỗi tôn giáo. Đồng thời, chức năng này còn được vun bồi trong đời sống tín đồ qua các thời kỳ lịch sử, văn hóa khác nhau.

Trong nhiều năm gần đây, các tổ chức tôn giáo không chỉ góp phần duy trì trật tự, an ninh xã hội, mà còn tham gia, đồng hành cùng Nhà nước trong các hoạt động giáo dục, y tế, từ thiện và an sinh xã hội. Sự tham gia của các tôn giáo trong việc giải quyết những vấn đề

xã hội hiện nay đã cho thấy, tôn giáo không chỉ là hiện tượng tinh thần, mà còn là một nguồn lực xã hội quan trọng. Nếu như trong xã hội truyền thống trước đây, chức năng xã hội của tín ngưỡng, tôn giáo gắn chặt với cấu trúc làng xã, gia đình và cộng đồng, và tín ngưỡng, tôn giáo thường đóng vai trò trung tâm trong đời sống tinh thần, điều chỉnh hành vi và duy trì trật tự xã hội; thì hiện nay, trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và toàn cầu hóa... môi trường tồn tại và vai trò của tôn giáo đã có sự biến đổi sâu sắc. Các chức năng của tôn giáo cũng vì thế được "tái diễn giải" để thích ứng với bối cảnh mới. Chẳng hạn, với giá trị vật chất của tôn giáo, nhiều ngôi chùa, nhà thờ có giá trị lịch sử, văn hoá đã gắn bảo tồn di sản với phát triển kinh tế. Với giá trị tinh thần, chúng ta thấy ở nhiều cơ sở tôn giáo đã mở các lớp hỗ trợ/dạy phương pháp cân bằng tâm lý cho tín đồ và người dân, như các khóa thiền, khóa tu... dành cho nhiều đối tượng tham gia. Giá trị đạo đức tôn giáo không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố đạo đức gia đình, mà đã có sự mở rộng hơn, góp phần duy trì tinh thần đoàn kết cộng đồng, ổn định an ninh chính trị xã hội, tiêu biểu ở các khu vực biên giới đất liền Việt Nam.

Hiện nay, chức năng xã hội của tôn giáo thể hiện rõ nhất là ở việc các tổ chức tôn giáo tham gia vào những hoạt động xã hội mang tính chuyên nghiệp hơn. Trong khuôn khổ thực hiện nhiệm vụ đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia “Nghiên cứu, phát huy giá trị và nguồn lực tín ngưỡng, tôn giáo phục vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới”, chúng tôi đã khảo sát tại Đài Loan trong năm 2025, đến Nhà thờ Mỹ Đường (Tin Lành)³; làm việc với tập đoàn Phúc Trí (Phật giáo), đến cơ sở có hoạt động an sinh xã hội của tập đoàn ở Đài Bắc⁴; làm việc với Trung tâm Dịch vụ xã hội Tân Sự (Dòng Tên Công giáo)⁵. Kết quả khảo sát cho thấy, các tổ chức tôn giáo này đã và đang tham gia ngày càng sâu rộng vào các lĩnh vực giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội. Ở Việt Nam hiện nay, các hoạt động xã hội của một số tổ chức tôn giáo đã mang tính chuyên nghiệp, hướng đến cộng đồng, phù hợp với đặc điểm lịch sử và văn hoá dân tộc. Chẳng hạn, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập Ban từ thiện xã hội trung ương, hay các hội quán của Tịnh độ Cư sĩ Phật hội Việt Nam đều có phòng thuốc nam phước thiện cung cấp thuốc và chữa bệnh miễn phí cho người dân,... Nhìn chung, các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay đều tham gia vào các hoạt động xã hội, đặc biệt là y tế, giáo dục và từ thiện. Đây là những hoạt động tự thân của các tôn giáo, đồng thời, cũng là một trong những chức năng quan trọng của các tôn giáo ở Việt Nam, phù hợp với truyền thống dân tộc và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

Quan điểm và chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam ngày càng được các tổ chức tôn giáo nhận thức đúng đắn và tuân thủ nghiêm túc, vì vậy, chức năng xã hội của tôn giáo ở Việt Nam ngày càng được phát huy. Trong đó, các hoạt động từ thiện, nhân đạo, giáo dục và chăm sóc y tế đạt nhiều kết quả tích cực. Những hoạt động này không chỉ góp phần hỗ trợ các nhóm yếu thế, mà còn tăng cường gắn kết xã hội và hỗ trợ cho các chính sách an sinh xã hội

³ Tòa 2, số 354, đoạn 1, đường Minh Chí, khu Thái Sơn, thành phố Tân Bắc, Đài Loan.

⁴ Số 143, đoạn 4, đường Nam Kinh Đông, quận Tùng Sơn, thành phố Đài Bắc, Đài Loan.

⁵ Lầu 1, số 24, ngõ 183, đoạn 1 đường Hòa Bình Đông, khu Đại An, thành phố Đài Bắc, Đài Loan.

của Nhà nước. Tuy nhiên, mức độ tham gia của các tổ chức tôn giáo trong các hoạt động xã hội vẫn chưa đồng đều giữa các địa phương, và giữa các tôn giáo, vì thế, các ban ngành chức năng cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp hiệu quả hơn.

Để thấy rõ hơn về giá trị và chức năng xã hội của tôn giáo có mối quan hệ gắn bó, tác động qua lại lẫn nhau, cần dựa trên nội dung cơ bản, những biểu hiện điển hình và vai trò/chức năng của nó. Trong đó, giá trị vật chất là hình thức biểu hiện hữu hình, giá trị tinh thần và chức năng xã hội là nền tảng ý nghĩa và chức năng của tôn giáo.

Bảng phân loại giá trị vật chất, tinh thần và chức năng xã hội của tôn giáo

Loại giá trị	Nội dung cơ bản	Biểu hiện điển hình	Vai trò/Chức năng
Giá trị vật chất	Phản ánh các yếu tố hữu hình của đời sống tôn giáo trong không gian xã hội	Cơ sở thờ tự, kiến trúc, hiện vật tôn giáo, hội họa tôn giáo	Góp phần bảo tồn di sản văn hóa vật thể; tạo không gian sinh hoạt cộng đồng; nguồn lực phát triển văn hóa, kinh tế - xã hội
Giá trị tinh thần	Phản ánh các giá trị vô hình, gắn với đời sống tinh thần, niềm tin, ý nghĩa nhân sinh của con người	Thế giới quan, nhân sinh quan, đạo đức tôn giáo; niềm tin vào cái thiêng	Định hướng nhận thức, hành vi cá nhân, ứng xử cộng đồng; an ninh tinh thần
Chức năng xã hội	Điều chỉnh, tổ chức đời sống xã hội ổn định	Chuẩn mực đạo đức cộng đồng; cố kết xã hội; giáo dục lối sống; tham gia giải quyết vấn đề xã hội	Chức năng duy trì trật tự xã hội; tăng cường đoàn kết cộng đồng; hỗ trợ Nhà nước trong quản lý xã hội và phát triển bền vững

Bảng phân loại trên cho thấy một số nội dung cơ bản của giá trị vật chất và giá trị tinh thần cũng như chức năng xã hội của tôn giáo trên các phương diện nội dung, biểu hiện và vai trò, chức năng của tôn giáo. Ở đây, sự phân loại này chỉ mang tính hình thức, bởi trong thực tế, các giá trị này luôn có sự liên kết, tác động hay bổ sung cho nhau, nhất là trong bối cảnh xã hội đương đại. Việc tìm hiểu giá trị và chức năng của tôn giáo ở Việt Nam hiện nay cần tiếp cận nghiên cứu liên ngành, đa ngành để thấy rõ hơn những những giá trị căn bản nào đã và đang tiếp tục đối góp phần phát triển xã hội theo hướng bền vững.

KẾT LUẬN

Trong xã hội truyền thống, hệ giá trị và chức năng xã hội của tôn giáo giữ vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân, gắn với cấu trúc làng xã, gia đình và cộng đồng. Các giá trị vật chất, tinh thần và chức năng xã hội của tôn giáo hòa quyện chặt chẽ, tạo nên tính ổn định và bền vững của trật tự xã hội truyền thống. Trong bối cảnh hiện đại, nhất là quá

trình đô thị hóa ngày càng gia tăng, làm biến đổi phương thức tồn tại cũng như phát huy các giá trị và chức năng xã hội của tôn giáo. Đã có nhiều giá trị của tôn giáo được diễn giải để phù hợp với đời sống hiện đại, trong đó, giá trị vật chất thường gắn với bảo tồn di sản và phát triển du lịch; giá trị tinh thần không chỉ là nhận thức, đạo đức... mà còn hỗ trợ cân bằng tâm lý cho con người trong cuộc sống nhiều biến động, áp lực công việc. Chức năng xã hội của tôn giáo hướng tới phát triển xã hội bền vững, tăng cường đoàn kết xã hội thông qua giáo dục, y tế, cứu trợ nhân đạo, an sinh xã hội.

Nhìn chung, các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay cũng như tại nhiều quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan... đều hình thành và phát triển trên cơ sở văn hóa nông nghiệp, cộng đồng làng xã và truyền thống phương Đông, luôn coi trọng sự hài hòa giữa con người, tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên, do những khác biệt về lịch sử, văn hoá, xã hội, các giá trị và chức năng xã hội của tôn giáo ở Việt Nam có những đặc điểm riêng khi so sánh với một số quốc gia châu Á khác. Đảng và Nhà nước Việt Nam ngày càng nhận thức rõ những giá trị và chức năng này và đã có những chủ trương, chính sách phù hợp, nhằm phát huy tốt nhất những giá trị và chức năng xã hội của tôn giáo trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Có thể nói, những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay đã thúc đẩy các cộng đồng tôn giáo chia sẻ những giá trị, chức năng xã hội của tôn giáo mạnh mẽ hơn. Đồng thời, sự hội nhập xã hội của mỗi tôn giáo ở Việt Nam hiện nay còn tạo nên tinh thần đối thoại liên tôn giáo, tính dung hợp, tính cộng đồng và tính thực tiễn ngày càng cao hơn. Những đặc trưng này vừa tạo nên bản sắc riêng của tôn giáo Việt Nam, vừa là cơ sở để các giá trị, chức năng của tôn giáo thích ứng linh hoạt với quá trình hiện đại hóa và hội nhập quốc tế./.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Thanh Hà, Nguyễn Thị Định. (2017). *Tài liệu giới thiệu Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*. Nxb. Tôn giáo.
2. Bryan S. Turner. (2010). *The Sociology of Religion*. Blackwell Publishing Ltd.
3. Bùi Thế Cường. (2006). Phân tích chức năng trong nghiên cứu xã hội. *Tạp chí Khoa học xã hội*, Số 5, tr. 1-5.
4. Dương Phú Hiệp. (2010). Quan niệm về mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển hệ giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, Số 1, tr. 41-46.
5. Đỗ Minh Hợp và cộng sự. (2005). *Tôn giáo Lý luận xưa và nay*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Emile Durkheim. (1995). *The elementary forms of religious life*. The Free Press. New York.
7. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*. Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.

8. Hoàng Văn Chung. (Chủ biên, 2019). *Giá trị và chức năng cơ bản của Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay.* Nxb. Khoa học xã hội.
9. Hồ Sĩ Quý. (2015). Mấy vấn đề về hệ giá trị Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, Số 1 (5), tr. 40-46.
10. Malcolm Hamilton. (2001). *The Sociology of Religion - Theoretical and comparative perspective.* Second Edition, Routledge.
11. Nguyễn Quốc Tuấn. (2014). *Phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng và nâng cao đạo đức, lối sống con người Việt Nam hiện nay.* Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Nhà nước. Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì.
12. Nguyễn Tài Đông. (2025). Xây dựng hệ giá trị quốc gia Việt Nam trong kỷ nguyên mới: Tầm nhìn và định hướng. *Tạp chí Triết học*, Số 3 (399), tr. 3-9.
13. Nguyễn Thị Quế Hương, Ngô Quốc Đông. (2016). *Giá trị và chức năng của Công giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay.* Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
14. Nguyễn Văn Quý (2022). *Một số giá trị cơ bản của tôn giáo ở Việt Nam*, thuộc Nhiệm vụ I: “Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo” do Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì; thuộc Đề án hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo, do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý.
15. Ngô Đức Thịnh. (Chủ biên, 2010). *Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam.* Nxb. Khoa học xã hội.
16. Pippa Norris & Ronald Inglehart. (2011). *Sacred and Secular: Religion and Politics Worldwide.* Second edition. Cambridge University Press.
17. Phạm Minh Hạc. (2012). *Giá trị học, cơ sở lý luận góp phần đúc kết xây dựng giá trị chung của người Việt Nam thời nay.* Nxb. Dân trí.
18. Roberto Cipriani. (2010). *Religion, Values and Sustainable Development (Vol I).* University of Rome 3. Italy.
19. Robert van Krieken, Philip Smith, Daphne Haibis, Kevin McDonald, Michael Haralambos, Martin Holborn. (2000). *Sociology: Themes and Perspectives.* Peason Education Australia.
20. *Sách giáo lý của Hội thánh Công giáo (2010).* Nxb. Tôn giáo.
21. Trần Hồng Liên. (2009). *Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam.* Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Trần Ngọc Thêm. (2016). *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai.* Nxb. Văn hóa - Văn nghệ.
23. Vũ Thị Thu Hà. (Chủ biên, 2020). *Biến đổi của đạo Tin Lành trong phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay.* Nxb. Khoa học xã hội.